

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST

Ngày 04-9-2025

V/v "Tranh chấp

Ly hôn và con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân*

**Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Văn Ngôn

2. Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2-Bắc Ninh.

- Đại diện VKSND khu vực 2-Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2025 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị L, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Luông, xã Lam Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn Luông, xã Quang Trung, tỉnh Bắc Ninh)

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Hậu, xã Minh Đức, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Hậu, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 03/6/2025, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào ngày 03/10/2022, trước khi kết hôn hai vợ chồng có thời gian yêu nhau, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Đức, huyện Việt Yên (nay là UBND phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn chị và anh T về chung sống với nhau ở thôn Hậu, xã Minh Đức (nay là tổ dân phố Hậu, phường Việt Yên), thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 07/2023 vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, bất đồng về quan điểm sống hàng ngày. Anh T chơi bời không quan tâm đến vợ con, có nợ nần nhiều người, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Đến tháng 09/2023 chị và con đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Luông, xã Lam Sơn, huyện Tân Yên (nay là thôn Luông, xã Quang Trung, tỉnh Bắc Ninh) sinh sống từ đó đến nay. Thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ thì anh T không quan tâm gì đến chị cũng không xuống gia đình chị để nói chuyện, dẫn đến vợ chồng tình cảm ngày càng xa cách nhau. Vợ chồng chị ly thân nhau từ tháng 09/2023 cho đến nay, sau đó chỉ thi thoảng vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng anh T cũng không thay đổi và tìm cách để vợ chồng hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài nên chị đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phạm Minh Thư, sinh ngày 19/5/2023. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung vì từ khi cháu sinh ra đến nay vẫn ở cùng chị, anh T không quan tâm gì đến con. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đối với anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh T đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh T về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị L và cung cấp các tài liệu chứng cứ L quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng anh T không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn T vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị L chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh T không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị L nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phạm Minh Thư, sinh ngày 19/9/2023. Vấn đề cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu, không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm tại biên lai thu của Chi cục thi hành án thị xã Việt Yên (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

- Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh có thẩm quyền xét xử vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm trên theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

- Vụ án tranh chấp ly hôn và con chung giữa chị L và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T có nơi cư trú: Thôn Hậu, xã Minh Đức, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Hậu, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh) nên Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2-Bắc Ninh) thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Phạm Thị L. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị L và anh T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Đức, huyện Việt Yên (nay là phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh) làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L, anh T có một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau. Tại biên bản lấy lời khai của chị L, chị xác định hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chị ly thân nhau từ tháng 09/2023 không còn quan T chăm sóc gì cho nhau. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh T, thông báo hòa giải anh T cũng không đến để Tòa án hòa giải về tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị L, anh T hiện không sinh sống cùng nhau, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh

sống, mâu thuẫn của chị L, anh T là bất đồng quan điểm sống. Xét mâu thuẫn giữa chị L, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phạm Minh Thư, sinh ngày 19/9/2023. Hiện con chung đang ở với chị, cháu Thư ở với chị từ bé cho đến bây giờ. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện chị đang làm tự do, có thu nhập, đảm bảo điều kiện về thời gian cho cháu Thư phát triển bình thường.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy: Cháu Thư từ khi sinh đến nay vẫn đang ở với chị L, do chị L chăm sóc, cháu Thư còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ, theo xác minh địa phương anh T thường xuyên đi làm ăn không có mặt ở nhà, chị L khai có đủ điều kiện để chăm sóc con chung nên cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng con chung của chị L và giao cháu Thư cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Thư. Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị L xác định vợ chồng không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Hiền được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Hiền nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phạm Minh Thư, sinh ngày 19/9/2023. Vấn đề cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Phạm Thị Hiền phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000507 ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Xác nhận chị Phạm Thị Hiền đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2-Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Minh Đức
(nay UBND phường Việt Yên);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2-Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Minh Đức
(nay UBND phường Việt Yên);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã Hương Mai;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

